

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiêu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ân;

Ông Lý A Tồn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hg Văn Đạng là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tổ 1, 2 thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1988; nơi sinh: Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 13/8/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Nguyễn Văn H; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1997; nơi sinh: Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 13/8/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại:

- Anh Sùng Mí C; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Hg Thị K; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn C, Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Văn L; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 11/8/2018 Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn H ngủ ở phòng trọ của anh Nguyễn Văn Q tại thôn C, Xã D, huyện Y tỉnh Hà Giang; đến khoảng 21 giờ cùng ngày, nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài nên Nguyễn Văn L chủ động bàn bạc, rủ rê nói với Nguyễn Văn H là *“Bây giờ có con xe máy nào không, để anh em mình đi lấy và mang đi bán để qua rằm tháng bảy sang Trung Quốc làm thuê”*, nghe vậy H liền nhất trí nói *“Đề em đi tìm”* rồi đi bộ ra quán internet của anh Nguyễn Văn C ở cùng thôn C, Xã D để kiểm tra xem có xe máy không, L đứng đợi khoảng 10 phút không thấy H quay lại nên cũng đi bộ ra quán anh C gặp H đang đứng ở đó, hai người gặp nhau không nói gì và cùng nhau vào quán xem mọi người chơi điện tử khoảng 30 phút sau L cùng H ra về đến đầu khu nhà trọ anh Q ở thì đứng nói chuyện, L nói tý nữa anh em mình đi lấy con xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α màu đen – bạc, mang biển kiểm soát 23B1-366.60, chiếc xe trên là của chị Hg Thị K, sinh năm 1989 ở cùng thôn C, khi đó chồng chị Kiều là anh Trần Văn L sinh năm 1987 điều khiển đi đến đó dựng xe ở ngoài hiên nhà rồi vào trong quán đóng cửa ngòì chơi điện tử; nghe vậy H nhất trí không nói gì.

Đến khoảng 00 giờ ngày 12/8/2018, H tiếp tục đi bộ ra quán internet của anh Nguyễn Văn C để kiểm tra, khoảng 10 phút sau L đi ra thì thấy H đứng ở đường đối diện quán anh C quan sát xem có người đi lại không, còn L đi thẳng vào trước cửa quán và đi sang vị trí chiếc xe máy trên quan sát không có người, L dùng tay trái cầm vào tay nắm bên trái, dùng tay phải cầm vào tay nắm đuôi xe, quay đầu xe và dắt trộm chiếc xe máy trên ra ngoài đường nhựa đến vị trí H đứng thì nghe H nói với L *“Lúc anh dắt xe máy có cháu H đứng ở cầu nhìn thấy”*; khi đó L không nói gì tiếp tục dắt chiếc xe máy lấy trộm được đi, còn H đi bộ đến và dặn dò cháu Nguyễn Đình H sinh ngày 17/5/2004, ở thôn Làng Khác A, cùng Xã D là *“Nhìn thấy anh L*

dắt xe máy đi không được nói gì, khi nào anh L đi bán xe về có tiền sẽ cho 150.000đ đến 200.000đ”. Sau đó H đi theo L dắt xe máy lấy trộm được về khu phòng trọ Q ở rồi cùng L dắt xe vào phòng trọ bên trái phòng trọ anh Q (phòng trọ không có người ở). L dựng chân chống xe xong cúi xuống rút dây điện bên phải, phía dưới ổ khóa điện ra, H soi đèn pin và đưa bật lửa cho L đốt chảy phần vỏ nhựa dây điện ra sau đó đầu nối dây điện lại với nhau xong L dắt xe ra đầu khu nhà trọ khởi động nổ được máy liền điều khiển xe đi theo hướng ra chợ D, khi đến khu vực suối cạn (khu vực bãi đá) thì dừng xe chờ H, một lúc sau H đi bộ theo sau đến vừa soi đèn pin vừa giúp L đẩy xe máy trộm cắp được vào bụi cỏ voi để cất giấu nhằm tránh mọi người phát hiện chờ tìm nơi tiêu thụ, sau khi cất giấu xe máy xong L và H đi bộ về. H về nhà H ngủ, L về phòng trọ anh Q ngủ; hành vi trộm cắp tài sản trên của Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H đã được phát hiện và bị bắt giữ.

Trước C quan điều tra các bị can Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của mình phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra kèm sơ đồ bản ảnh, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Lời khai của các bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của người bị hại Trần Văn L, Sùng Mí C; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T lời khai người làm chứng Nguyễn Đình H.

Bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-YM ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Về hình phạt bổ sung Xét thấy các bị cáo có H cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, do vậy đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015; Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc đèn pin màu: Đen - vàng, dài khoảng 09 cm; đường kính khoảng 08cm, dạng có 03 dây vải đeo trên đầu, có chữ nước ngoài không rõ nguồn gốc xuất xứ, đã qua sử dụng; 01 cái bật lửa màu: Trắng - đỏ; dài khoảng 07cm x rộng khoảng 02cm, có chữ TANAKA ở vị trí 02 bên nắp kim loại chắn gió, đã qua sử dụng; Về án phí: Bị cáo

phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật TTHS, Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là sai trái chỉ vì mong muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút trộm cắp 02 chiếc xe máy. Các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đồng thời các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều đã có đơn không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm vì đã nhận lại được tài sản, và đề nghị HĐXX xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến gì về Q định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đều nhận thức thấy hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên C sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các lời khai và lời nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá tài sản... cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H một lần nữa thừa nhận đã thực hiện hành vi cụ thể: Vào các ngày 24/3/2018 và ngày 12/8/2018 tại thôn C, Xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Nguyễn Văn L đã 02 lần, Nguyễn Văn H đã 01 lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Ngày 24/3/2018, Nguyễn Văn L đã một mình trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX trị giá 19.000.000đ của anh Sùng Mí C sau đó đem đến nhà anh Nguyễn Văn Tường để xe ở đó vay được số tiền 2.500.000đ về tiêu sài cá nhân hết. Ngày 12/8/2018, sau khi nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn L đã chủ động bàn bạc, rủ rê Nguyễn Văn H cùng thực hiện việc trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HondaWave α mang biển kiểm soát 23B1-366.60 trị giá 13.666.667đ của chị Hg Thị K rồi cùng nhau đem chiếc xe trên đi cất giấu ở bụi cây cùng thôn nhằm tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm pháp luật hình sự. Chỉ vì muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, trong khi các bị cáo đều là người khỏe mạnh, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền về tài sản của người khác là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn tại địa phương gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục phòng ngừa và chống tội phạm.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò là đồng phạm giản đơn, vì vậy khi lượng hình cần có mức hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của từng bị cáo trong vụ án cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là người thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, các lần phạm tội đều là người khởi xướng rủ rê bị cáo khác phạm tội;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H với vai trò là đồng phạm cùng bị cáo L thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản.

Hành vi của các bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình;

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; người phạm tội là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Riêng đối với bị cáo L bị áp dụng thêm điểm g Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đối với số vật chứng gồm 01 chiếc xe máy mang nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 23B1 – 36660 cùng Giấy chứng nhận đăng xe mô tô mang tên Hg Thị K; 01 xe máy nhãn hiệu Honda không có biển kiểm soát cùng Giấy chứng

nhận đăng xe mô tô mang tên Sùng Mí C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Do vậy, HĐXX không xem xét;

Đối với số vật chứng gồm: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc đèn pin màu: Đen - vàng, dài khoảng 09 cm; đường kính khoảng 08cm, dạng có 03 dây vải đeo trên đầu, có chữ nước ngoài không rõ nguồn gốc xuất xứ, đã qua sử dụng; 01 cái bật lửa màu: Trắng - đỏ; dài khoảng 07cm x rộng khoảng 02cm, có chữ TANAKA ở vị trí 02 bên nắp kim loại chắn gió, đã qua sử dụng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H đều không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên không có điều kiện để nộp phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hành vi, Q định tố tụng của C quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, Q định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn L;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn H;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 13/8/2018.

Nguyễn Văn H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 13/8/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy đối với: 01 chiếc đèn pin màu Đen - vàng, dài khoảng 09 cm; đường kính khoảng 08cm, dạng có 03 dây vải đeo trên đầu, có chữ nước ngoài không rõ nguồn

gốc xuất sứ, đã qua sử dụng; 01 cái bật lửa màu: Trắng - đỏ; dài khoảng 07cm x rộng khoảng 02cm, có chữ TANAKA ở vị trí 02 bên nắp kim loại chắn gió, đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- C quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại; Người CQL,NVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chiêu